

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 360/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Sơn;

2. Ông Võ Hoàng Thu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Ông Võ Thanh P, sinh năm: 1970 (Có mặt);

Địa chỉ: đường VL, ấp 5, xã VL B, huyện BC, Thành phố H.

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Linh H, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã PVH, huyện BC, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Thanh P trình bày:

Ông và bà Vũ Thị Linh H sống chung với nhau từ năm 1997, do hai người tự tìm hiểu. Hai người có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hai người rất hạnh phúc. Đến năm 2011, hai người bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể dung hòa được, không thể chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra xung đột do bất đồng quan điểm sống với nhau. Hai người sống ly thân từ tháng 12 năm 2017 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Vũ Thị Linh H.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Võ Thành H, giới tính nam, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Võ Kim A, giới tính nữ, sinh ngày 24/11/2005. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu bà H nuôi trẻ Kim A và ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Về tài sản chung: Ông xác định có một căn nhà diện tích 25,7m² tại địa chỉ đường số 9, khu phố 4, phường BHH, quận BT, Thành phố H. Trước khi mở phiên tòa, ông P có đơn xin rút yêu cầu chia tài chung nêu trên.

Về nợ chung: Ông xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình vắng mặt tại Tòa án, không thể hiện ý kiến gì.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Võ Thanh P yêu cầu được ly hôn với bà Vũ Thị Linh H. Đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 40 do Ủy ban nhân dân phường X, quận GV, Thành phố H cấp ngày 28/3/2007, giữa ông Võ Thanh P và bà Vũ Thị Linh H là vợ chồng được pháp luật công nhận quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo lời trình bày của ông P, vợ chồng ông sống hạnh phúc đến năm 2017 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xung đột, cãi vã dẫn đến cuộc

sống vợ chồng không hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng mặc ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông P và bà H đã sống ly thân với nhau trong khoảng thời gian dài. Phía bà H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt. Như vậy, bà H đã không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện tình cảm vợ chồng giữa ông P và bà H không còn khả năng hàn gắn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hai bên đều không có thiện chí hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông Võ Thanh P là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Giữa ông P và bà H có 02 (hai) con chung tên Võ Thành H, giới tính nam, sinh năm 1998 (đã trưởng thành) và Võ Kim A, giới tính nữ, sinh ngày 24/11/2005. Sau khi ly hôn, ông P yêu cầu bà H nuôi trẻ Kim A và ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Xét thấy, trẻ Kim A hiện đang sống chung với bà H và bà H cũng đã chăm sóc, nuôi dưỡng tốt cho trẻ Kim A. Nếu thay đổi việc nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử giao trẻ Kim A cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Phần thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi, ông P tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Mức cấp dưỡng này là phù hợp với thu nhập của người cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Võ Thanh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Ông xác định có một căn nhà diện tích 25,7m² tại địa chỉ đường số 9, khu phố 4, phường BHH, quận BT, Thành phố H. Trước khi mở phiên tòa, ông P có đơn xin rút yêu cầu chia tài chung nêu trên. Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông P. Trường hợp các bên tranh chấp chia tài sản chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Ông P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Ông Võ Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Thanh P và bà Vũ Thị Linh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 do Ủy ban nhân dân phường X, quận GV, Thành phố H cấp ngày 28/3/2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Võ Kim A, giới tính nữ, sinh ngày 24/11/2005 cho bà H nuôi dưỡng. Ông Võ Thanh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Võ Kim Anh, mỗi tháng là 2.000.000 (hai triệu) đồng. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, vào ngày 15 tây hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ Kim A đủ 18 tuổi.

Nếu ông P không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã nêu trên, kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, thì ông P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ông Võ Thanh P có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà diện tích 25,7m² tại địa chỉ đường số 9, khu phố 4, phường BHH, quận BT, Thành phố H. Trường hợp các bên tranh chấp chia tài sản chung sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Ông P xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Tòa án cũng không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Ông Võ Thanh P phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0031575 ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông P còn nhận lại số tiền chênh lệch là 2.200.000 (hai triệu hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- UBND phường X, quận GV;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Nguyễn Tấn Việt